TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2023/DS-PT**
Ngày 30-03-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong
Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình
Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 185/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10B/2023/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1982; *(có mặt)*

Địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo ủy quyền của chị M: Ông Trần Văn D, sinh năm 1972; *(có mặt)*

Địa chỉ: khu phố 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1957; *(có mặt)*

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đường 10, huyện B, tỉnh Bình Phước;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Dương Vĩnh T – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Văn phòng Luật sư D, đường N, tổ 3, khu phố 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. *(có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Thúy H1, sinh năm 1980; *(có mặt)*

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đường 10, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Bà Phan Thị Thu H, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thúy H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Ngô Thị M trình bày:

Ngày 19/01/2021 bà có cho Bà Phan Thị Thu H vay số tiền 530.000.000đ (năm trăm ba mươi triệu đồng). Hẹn đến cuối tháng 4 năm 2021 trả. Khi vay không có thỏa thuận lãi suất, không có thế chấp tài sản. Việc vay tiền có lập giấy tờ và Bà Phan Thị Thu H có ký nhận. Đến ngày 09/02/2021 Bà Phan Thị Thu H có trả cho bà số tiền là 50.000.000đ. Hình thức trả là do Bà Phạm Thị Thúy H1 chuyển khoản cho bà. Số tiền còn lại là 480.000.000đ Bà Phan Thị Thu H cứ khất lần không trả tiền đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Phan Thị Thu H trả số tiền vay còn lại là 480.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn Bà Phan Thị Thu H trình bày:

Bà thừa nhận toàn bộ chữ viết trong giấy vay tiền lập ngày 19/01/2021 là do bà viết và bà có ký nhận vào giấy. Tuy nhiên, bà không có vay tiền của Bà Ngô Thị M. Bà ký nhận vào giấy với tư cách là bà nhận làm chứng thay cho anh Phạm Duy T1 (đã chết). Trước khi chết thì anh Phạm Duy T1 có trăn trối là số tiền này anh Phạm Duy T1 đã trả cho Bà Ngô Thị M.

Trong số tiền 530.000.000đ mà Bà Ngô Thị M khởi kiện bà thì bà đã đưa tiền cho Bà Phạm Thị Thúy H1 để trả cho Bà Ngô Thị M số tiền là 130.000.000đ, cụ thể: Ngày 08/2/2021 trả 50.000.000đ, ngày 10/3/2021 trả 30.000.000đ (hai lần trả bằng hình thức chuyển khoản), ngày 15/6/2021 trả tiền mặt 30.000.000đ và ngày 01/4/2021 trả tiền mặt 20.000.000đ. Các lần trả tiền là giữa Bà Phạm Thị Thúy H1 và Bà Ngô Thị M, bà không có mặt.

Do đó, bà xác định hiện nay số tiền còn nợ lại là 400.000.000đ không phải là số tiền 480.000.000đ như Bà Ngô Thị M yêu cầu. Nay bà đồng ý trả thay cho anh Phạm Duy T1 số tiền còn nợ Bà Ngô Thị M là 400.000.000đ và xin trả làm nhiều lần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị Thúy H1 trình bày:

Bà là con gái của Bà Phan Thị Thu H. Bà xác nhận ngày 19/01/2021 bà có mặt tại nhà Bà Ngô Thị M và có chứng kiến sự việc anh Phạm Duy T1, Bà Ngô Thị M và Bà Phan Thị Thu H thỏa thuận với nhau là anh Phạm Duy T1 vay tiền của Bà Ngô Thị M nhưng Bà Ngô Thị M yêu cầu phải là có người lớn để Bà Ngô Thị M tin tưởng và cho anh Phạm Duy T1 trả dần. Nếu anh Phạm Duy T1 không có khả năng trả thì Bà Phan Thị Thu H thu điều trả dần. Thỏa thuận của các bên có làm giấy tờ nhưng bà không có đọc nội dung tờ giấy đó. Sau này, Bà Phan Thị Thu H có đưa tiền cho chị để bà trả cho Bà Ngô Thị M. Số lần trả tiền là 04 lần gồm: Ngày 08/2/2021 trả 50.000.000đ, ngày 10/3/2021 trả 30.000.000đ (hai lần trả bằng hình thức chuyển khoản), ngày 15/6/2021 trả tiền mặt 30.000.000đ và ngày 01/4/2021 trả tiền mặt 20.000.000đ. Hai lần sau trả không làm giấy tờ, không có người làm chứng.

Bà xác nhận bà có nhiều lần vay tiền của Bà Ngô Thị M nhưng bà đã trả đầy đủ. Còn số tiền 130.000.000đ nói trên là bà trả thay cho Bà Phan Thị Thu H đối với khoản vay 530.000.000đ giữa anh Phạm Duy T1, Bà Phan Thị Thu H và Bà Ngô Thị M. Việc tranh chấp giữa Bà Ngô Thị M và Bà Phan Thị Thu H, chị không có liên quan nên bà không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

"...Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Ngô Thị M về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc bị đơn Bà Phan Thị Thu H trả cho nguyên đơn Bà Ngô Thị M số tiền vay là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng)...".

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/10/2022, bị đơn Bà Phan Thị Thu H kháng cáo Bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

Ngày 11/10/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị Thúy H1 kháng cáo Bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn Bà Phan Thị Thu H và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà H là Luật sư Dương Vĩnh T trình bày: Bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, chưa toàn diện dẫn đến việc buộc bà H trả cho bà M số tiền 480 triệu đồng là chưa đảm bảo, cụ thể: Tại phiên tòa, bà M xác nhận trước ngày 19/1/2021 không cho bà H vay tiền. Đối chiếu với giấy vay tiền mà bà M khởi kiện, thì theo nội dung này là giấy nhận nợ, kèm theo đó có 1 giấy vay nợ 19/01/2021 của anh T1 vay mượn tiền của bà M, như vậy tồn tại 02 giấy liên quan đến số tiền trên, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung này. Đơn khởi kiện cho rằng bà M cho bà H vay 530 triệu đồng, sau đó vào ngày 29/12/2021 bà H trả 50 triệu đồng. Như vậy, theo giấy biên nhận và thực tế, thời hạn vay bà H không trả cho bà M đồng nào nên dẫn đến việc mâu thuẫn về thời hạn và nghĩa vụ trả tiền của bị đơn. Trong bản tự khai (BL20) bà M khẳng định cho bà H vay tiền 530tr. Bị đơn đã trả cho bà M 04 lần tiền với tổng số tiền là 130 triệu đồng là trả nợ thay cho anh T1. Hiện nay anh T1 chỉ còn nợ lại của bà M 400 triệu đồng. Do đó, bà H đồng ý trả nợ thay cho anh T1 số tiền 400 triệu còn nợ của bà M. Trong biên bản đối chất (BL93-94), bà M thừa nhận cho bà H vay tiền. Đối với bà H1, là người mang tiền trả cho bà M, bà M cho rằng bà H1 vay tiền của bà M, tuy nhiên trước đó không có mối quan hệ vay mượn tiền, vậy những khoản bà H1 trả cho bà M là trả những khoản nào thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Qua tin nhắn, thể hiện rõ việc bà H vay hay nhận nợ của con trai là anh T1. Đơn khởi kiện và bản tự khai thì 2 số tiền khác nhau, ngày vay khác nhau. Do đó, bị đơn bà H và Luật sư bảo vệ đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá chứng cứ, tiến hành thu thập nội

dung cuộc gọi giữa ông T1 với bà M. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ nội dung vụ việc. Do đó, đề nghị HĐXX nếu làm rõ được những nội dung nêu trên, chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng số tiền còn thiếu là 400 triệu trả nợ thay cho con trai là anh T1. Nếu không khắc phục được thì hủy bản án sơ thẩm.

- *Nguyên đơn Bà Ngô Thị M và người đại diện theo ủy quyền là Ông Trần Văn D trình bày:* Đối với giấy biên nhận, thì theo giấy vay tiền bà H có chốt câu là người vay nợ và ký nhận vay nợ. Lời khai của nguyên đơn trong hồ sơ có rất nhiều lời khai thì Luật sư T trích dẫn lời khai tại BL20 thì nguyên đơn ghi nhầm cũng giống như nội dung đơn kháng cáo bổ sung của bị đơn 400 triệu đồng mà ghi là 5 tỷ đồng. Do đó, tôi thấy ý kiến của Luật sư là không có căn cứ. Bà H cũng thừa nhận chữ viết chữ ký trong giấy biên nhận tại phiên tòa hôm nay. Do đó, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với những lần trả tiền của bà H1, nguyên đơn vẫn thừa nhận đã trả 50 triệu qua bà H1. Bị đơn và bà H1 không có cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc đã trả tiền mặt cho nguyên đơn, do đó lời trình bày này của bà M và bà H1 là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Phan Thị Thu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị Thúy H1; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh T1ụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Bà Phan Thị Thu H, Bà Phạm Thị Thúy H1 được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Bà Phan Thị Thu H:

Xét Giấy vay tiền lập ngày 19/01/2021:

Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận nội dung giấy vay tiền ngày 19/01/2021 là do bà H viết. Theo nội dung của giấy vay tiền này thì bà H có vay của bà M số tiền 530 triệu đồng, không ghi lãi suất thỏa thuận, thời hạn là trả vào cuối tháng 4 năm 2021. Bà H ký tên và ghi rõ họ tên của mình dưới phần người vay nợ nhưng theo bà H trình bày việc bà ký nhận giấy vay tiền là do anh Phạm Duy T1 năn

nỉ bà đứng ra nhận nợ cho anh Phạm Duy T1. Tại biên bản đối chất Bà Phan Thị Thu H khai nhận bà chỉ ký nhận là người làm chứng thay cho anh Phạm Duy T1 (BL số 93). Tại biên bản hòa giải Bà Phan Thị Thu H khai nhận bà chỉ nhận trả nợ thay cho anh Phạm Duy T1 (BL số 105). Như vậy, lời khai của Bà Phan Thị Thu H không có sự thống nhất. Bà Phan Thị Thu H thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình, trừ việc có chị Phạm Thị Thúy H1 là người làm chứng chứng kiến toàn bộ sự việc diễn ra ngày 19/01/2021. Bên cạnh đó, theo Bản kết luận giám định số 34/2022/GĐ-TL ngày 30/6/2022 kết luận chữ ký tên và ghi họ tên là do Bà Phan Thị Thu H viết ra. Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà Phan Thị Thu H cũng thừa nhận việc bà viết giấy vay tiền với Bà Ngô Thị M là tự nguyện và bà H thừa nhận bà có trả số tiền vay cho Bà Ngô Thị M. Như vậy, bà H là người viết giấy và ký tên là người vay nợ nên có căn cứ xác định việc bà H có mượn của bà M số tiền 530 triệu đồng vào ngày 19/11/2021 với thời hạn trả như thỏa thuận trong giấy. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H chỉ thừa nhận nội dung con trai bà là anh T1 còn nợ lại của bà M số tiền 400 triệu đồng nhưng bà H không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc đã trả cho bà M tổng số tiền 130 triệu đồng, ngoại trừ nội dung ghi tại giấy biên nhận do nguyên đơn viết có nội dung bà H đã trả cho bà M số tiền 50 triệu đồng. Bên cạnh đó, bà H cũng đồng ý trả tiền cho bà M số tiền 400 triệu đồng này nhưng đề nghị ghi rõ nội dung là trả nợ thay cho anh T1. Tuy nhiên, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh số nợ này là bà bảo lãnh nhận nợ thay cho anh T1 như lời trình bày của bà tại phiên tòa.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy vay tiền xác định bà H có vay tiền của bà M là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của Bà Phạm Thị Thúy H1:

[3.1] Đối với số tiền vay đã trả:

Bà Phan Thị Thu H khai nhận bà đã trả tiền vay cho Bà Ngô Thị M 04 lần với tổng số tiền 130.000.000đ, người thực hiện việc trả tiền là Bà Phạm Thị Thúy H1, do Bà Phan Thị Thu H nhờ trả thay. Bà Phạm Thị Thúy H1 xác nhận lời khai của Bà Phan Thị Thu H, cụ thể bà đã trả cho Bà Ngô Thị M 04 lần gồm: Ngày 08/2/2021 trả 50.000.000đ, ngày 10/3/2021 trả 30.000.000đ (hai lần trả bằng hình thức chuyển khoản), ngày 15/6/2021 trả tiền mặt 30.000.000đ và ngày 01/4/2021 trả tiền mặt 20.000.000đ.

[3.2] Đối với số tiền 50.000.000đồng: Bà Ngô Thị M thừa nhận Bà Phan Thị Thu H có trả cho bà số tiền 50.000.000đ bằng hình thức Bà Phạm Thị Thúy H1 chuyển khoản trả thay cho Bà Phan Thị Thu H ngày 29/12 nội dung này cũng được thể hiện ở phần cuối của giấy vay tiền ngày 19/01/2021 (BL 35). Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do Bà Ngô Thị M thừa nhận về việc trả số tiền vay 50.000.000đ nên Bà Phan Thị Thu H

không phải chứng minh. Như vậy, có đủ cơ sở xác định Bà Phan Thị Thu H đã trả cho Chị Ngô Thị M số tiền 50.000.000đ là có thật.

[3.3] Đối với số tiền 30.000.000đ trả vào ngày 15/6/2021 và số tiền 20.000.000đ trả vào ngày 01/4/2021, Bà Ngô Thị M không thừa nhận về số tiền này. Bà Phạm Thị Thúy H1 thừa nhận khi giao nhận tiền các bên không có làm giấy tờ, không có người làm chứng. Bà Phan Thị Thu H thừa nhận bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà trả số tiền 50.000.000đ cho Bà Ngô Thị M vào ngày 15/6/2021 và ngày 01/4/2021. Do đó, không có đủ cơ sở chấp nhận lời khai của Bà Phan Thị Thu H.

[3.3] Đối với số tiền 30.000.000đ trả vào ngày 10/3/2021, Bà Ngô Thị M thừa nhận chị có nhận số tiền này từ Bà Phạm Thị Thúy H1, nhưng số tiền này không phải để trả cho khoản vay Bà Phan Thị Thu H vay mà là để trả cho khoản vay Bà Phạm Thị Thúy H1 vay. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Bà Ngô Thị M khai nhận vào ngày 3/3/2021 Bà Ngô Thị M đã cho Bà Phạm Thị Thúy H1 vay số tiền 30.000.000đ, đưa bằng tiền mặt, đến ngày 10/3/2021 Bà Ngô Thị M yêu cầu Bà Phạm Thị Thúy H1 trả số tiền vay nên ngày 10/3/2021 Bà Phạm Thị Thúy H1 đã chuyển khoản trả số tiền vay này. Bà Ngô Thị M cung cấp đoạn tin nhắn giữa Bà Ngô Thị M và Bà Phạm Thị Thúy H1 có nội dung *"10:50, 03/03/2021: Chị Ngô Thị M nhắn (3/3 c lấy 30 triệu); chị Phạm Thị Thúy H1 nhắn (oke e); 7:32, 10/03/2021; Chị Ngô Thị M nhắn (c ơi chiều c ghé gửi e cái tiền e trả cho họ nhé); chị Phạm Thị Thúy H1 nhắn (oke; chieu c ve c dang o vien e)"* để chứng minh cho lời khai của mình. Ngoài ra, Bà Ngô Thị M còn khai nhận ngoài việc cho vay số tiền 30.000.000đ thì Bà Ngô Thị M còn cho Bà Phạm Thị Thúy H1 vay các khoản vay khác. Bà Phạm Thị Thúy H1 thừa nhận giữa bà và Bà Ngô Thị M có nhiều lần thực hiện việc vay tiền, chuyển trả tiền. Bà Phạm Thị Thúy H1 thừa nhận nội dung đoạn tin nhắn mà Bà Ngô Thị M cung cấp. Bà Phạm Thị Thúy H1 cũng thừa nhận bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 30.000.000đ mà bà chuyển khoản cho Bà Ngô Thị M là để trả số tiền Bà Phan Thị Thu H vay của Bà Ngô Thị M.

Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh lời khai của Bà Ngô Thị M là có thật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời khai của Bà Phan Thị Thu H và Bà Phạm Thị Thúy H1 về việc trả số tiền 30.000.000đ cho khoản vay 530.000.000đ là phù hợp.

Từ các phân tích nêu trên, HĐXX nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H đã trả cho bà M là 50.000.000đồng, số tiền bà H còn nợ lại của bà M là số tiền là 480.000.000đ và buộc Bà Phan Thị Thu H trả cho Bà Ngô Thị M số tiền 480.000.000đ là có căn cứ.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí trưng cầu giám định: Chi phí trưng cầu giám định là 6.532.000đ.

Tại khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu trưng cầu giám định là có cơ sở"*.

Như vậy, Bà Phan Thị Thu H phải chịu chi phí giám định.

Bà Ngô Thị M đã nộp tạm ứng chi phí giám định trước nên cần buộc Bà Phan Thị Thu H phải trả cho Bà Ngô Thị M số tiền chi phí giám định là 6.532.000đ.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bà M không phải chịu hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 11.600.000đồng.

Bị đơn Bà Phan Thị Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ phải trả cho bà M 480.000.000đồng là 23.200.000đồng [20.000. 000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng (80.000.000đồng) = 23.200.000đồng.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà Phan Thị Thu H là người cao tuổi (66 tuổi) nên bà H được miễn án phí theo quy định của pháp luật đối với phần án phí bà H phải chịu. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với vấn đề này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Nhưng Hội đồng xét xử xét thấy vi phạm này cấp phúc thẩm có thể khắc phục được nên không cần phải hủy bản án sơ thẩm đối với phần này mà chỉ cần sửa bản án sơ thẩm và nhắc nhở Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm cho quá trình giải quyết vụ án sau này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí là có căn cứ.

Do đó, HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Phan Thị Thu H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Phạm Thị Thúy H1, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bà H được chấp nhận một phần nên bà H không phải chịu.

Do yêu cầu kháng cáo của bà H1 không được chấp nhận nên bà H1 phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Phan Thị Thu H.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị Thúy H1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Ngô Thị M:

Buộc bị đơn Bà Phan Thị Thu H trả cho nguyên đơn Bà Ngô Thị M số tiền vay là 480.000.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí trưng cầu giám định: Buộc Bà Phan Thị Thu H trả cho Bà Ngô Thị M số tiền chi phí trưng cầu giám định là 6.532.000đồng (sáu triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn Bà Phan Thị Thu H được miễn.

Bà Ngô Thị M không phải chịu. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn Bà Ngô Thị M số tiền tạm ứng án phí là 11.600.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000296 ngày 21 tháng 02 năm 2022.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phan Thị Thu H được miễn.

Bà Phạm Thị Thúy H1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000657, ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà H1 đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Phong